



BSC

BIDV securities Company

Special report

Covid làn sóng thứ 2 (cập nhật lần 4)

Aug 12th 2020

Content list

- Diễn biến thị trường chứng khoán
- Kinh tế vĩ mô Việt Nam 2020
- Thị trường chứng khoán Việt Nam 2020

Content list

Báo cáo liên quan

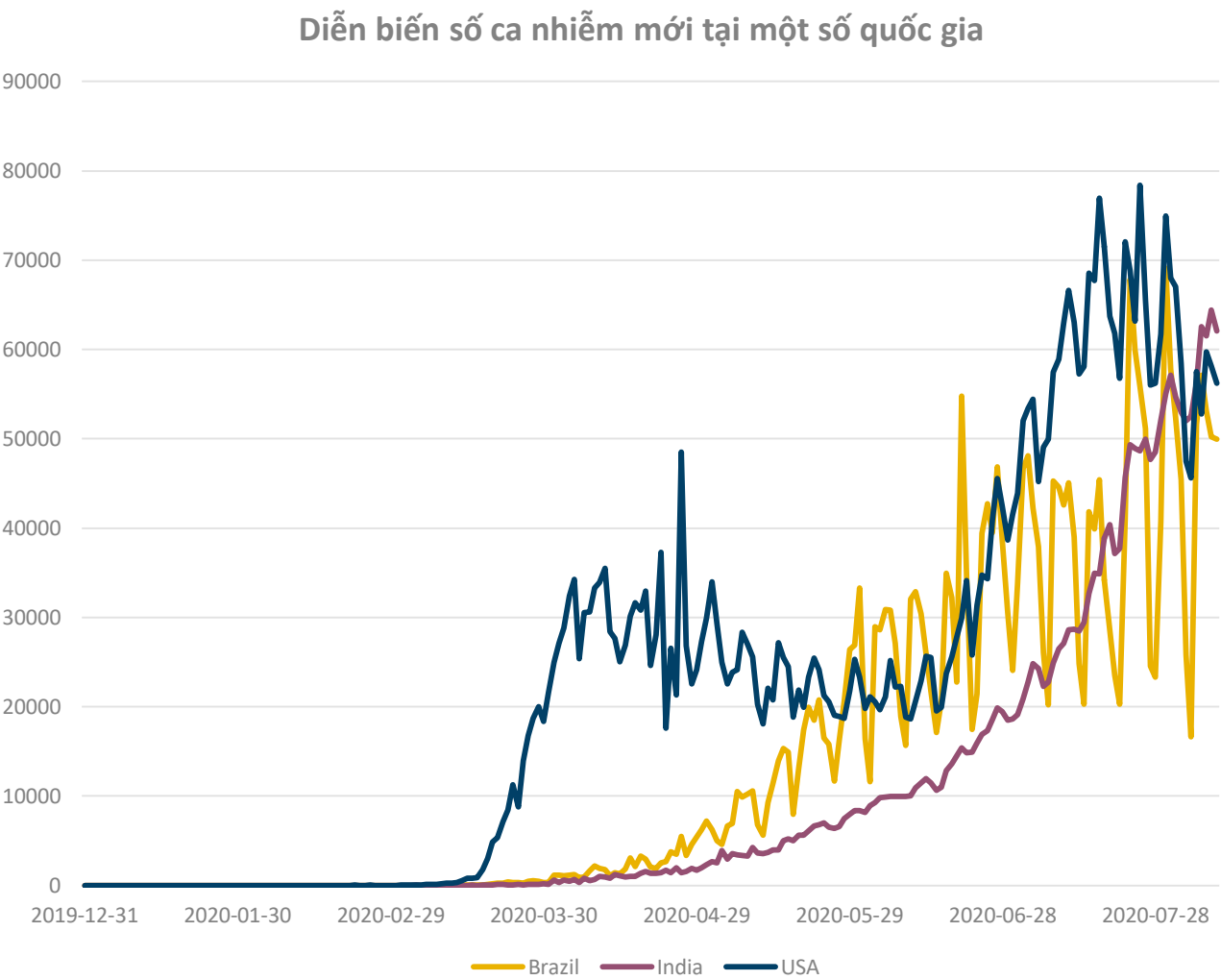
- Báo cáo tuần:
- Báo cáo tháng:
- Báo cáo Corona:
- Báo cáo Corona 2:
- Báo cáo Doanh nghiệp khác
- Báo cáo Lãi suất:
- Báo cáo EVFTA:
- Báo cáo Ngành Ngân hàng



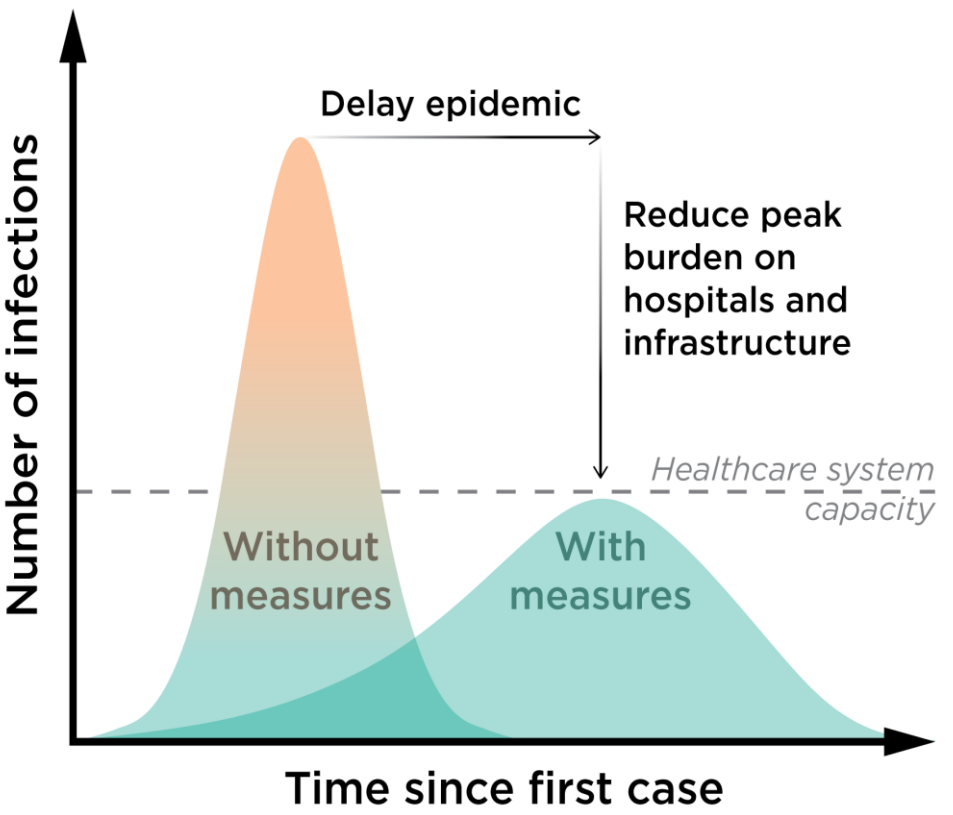
**Cập nhật thị
trường**

Diễn biến mới

Số ca nhiễm mới Covid-19 (SARS-CoV-2)



Impact of protective measures



Adapted from CDC

Cập nhật diễn biến của các thị trường thế giới



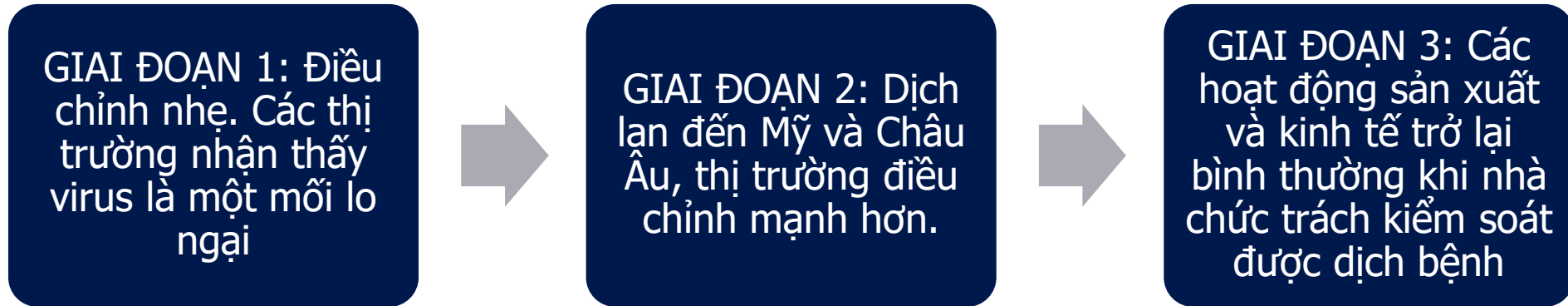
- Với sự gia tăng trở lại và tiệm cận ngưỡng 28,000 điểm, Dow Jones Index đang gần như lấy lại được những gì đã mất kể từ tháng 2/2020.
- Cả ba chỉ số đều duy trì đà tăng và Nasdaq thậm chí đã lần lượt thiết lập các mức đỉnh lịch sử mới trong thời gian vừa qua.
- Chính phủ Mỹ sẽ chi hơn 1 tỷ USD để mua 100 triệu liều vaccine có khả năng kháng Covid-19 từ hãng dược Johnson & Johnson, nâng tổng mức chi mua vaccine sơ bộ lên tới 5.1 tỷ USD.

Cập nhật diễn biến của các thị trường thế giới



- Các nước/ khu vực bị ảnh hưởng bởi dịch SARS-CoV-2 vẫn đang gia tăng các ca nhiễm mới, nhưng phản ứng thị trường không quá tiêu cực.
- Tại tâm dịch ở Hoa Kỳ, các chỉ số chứng khoán vẫn đang giữ xu hướng tăng từ tháng 4 đến giờ.
- Các khu vực có làn sóng Covid thứ 2 như Nhật Bản, Hongkong vẫn giữ được sự ổn định cho các chỉ số tài chính của mình.

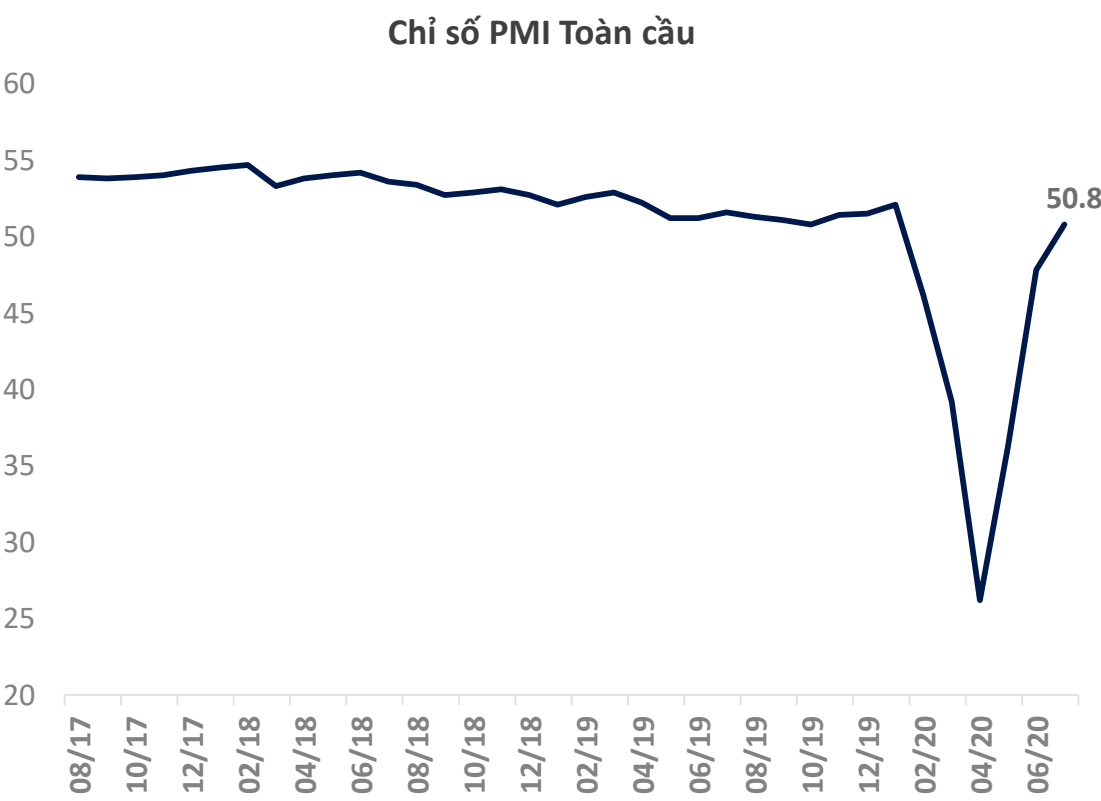
Cập nhật diễn biến của các thị trường thế giới



- Dựa vào diễn biến trên, có thể thấy thị trường thế giới đang ở trong giai đoạn 3.
- Ở trong giai đoạn này, các thị trường không còn phản ứng shock đối với các tin tức về dịch bệnh nữa, và giữ được trạng thái cung cầu ổn định.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Tổ chức tài chính	Ngày	2020	2021
UBS	07/30/20	-3.9	5.4
Fitch Ratings	07/14/20	-4.6	4.9
Bank of America Merrill Lynch	07/10/20	-4.1	5.8
Barclays	07/10/20	-3.6	5.2
Credit Agricole CIB	07/10/20	-4.1	5.2
Dai-ichi Life Research Institute	07/10/20	-4.3	3.6
Eurobank	07/10/20	-3.2	5
Goldman Sachs Group	07/10/20	-3.4	6.2
HSBC Holdings	07/10/20	-4.8	5.1
JPMorgan Chase	07/10/20	-3.4	5.6
Moody's	07/10/20	-3.7	4.8
Oxford Economics	07/10/20	-4.5	5.8
Standard Chartered	07/10/20	-2.6	5.7
Wells Fargo	07/10/20	-3.8	4.4
Deutsche Bank	06/12/20	-5.2	5
Credit Suisse Group	05/15/20	-2.5	4.4
Trung bình		-3.9	5.1



- Chỉ số PMI toàn cầu đã hồi phục trở lại trong tháng 07 sau hai đợt suy giảm mạnh vào quý II khi các quốc gia bắt đầu dỡ bỏ tình trạng phong tỏa kinh tế.
- Tình hình dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến tiêu cực khiến tốc độ hồi phục kinh tế toàn cầu sẽ chậm lại, kinh tế toàn cầu có thể hồi phục theo hình chữ U hoặc W.
- Tốc độ tăng trưởng trung bình ở mức -3.9% cho năm 2020.

Chính sách kích thích kinh tế của các nước

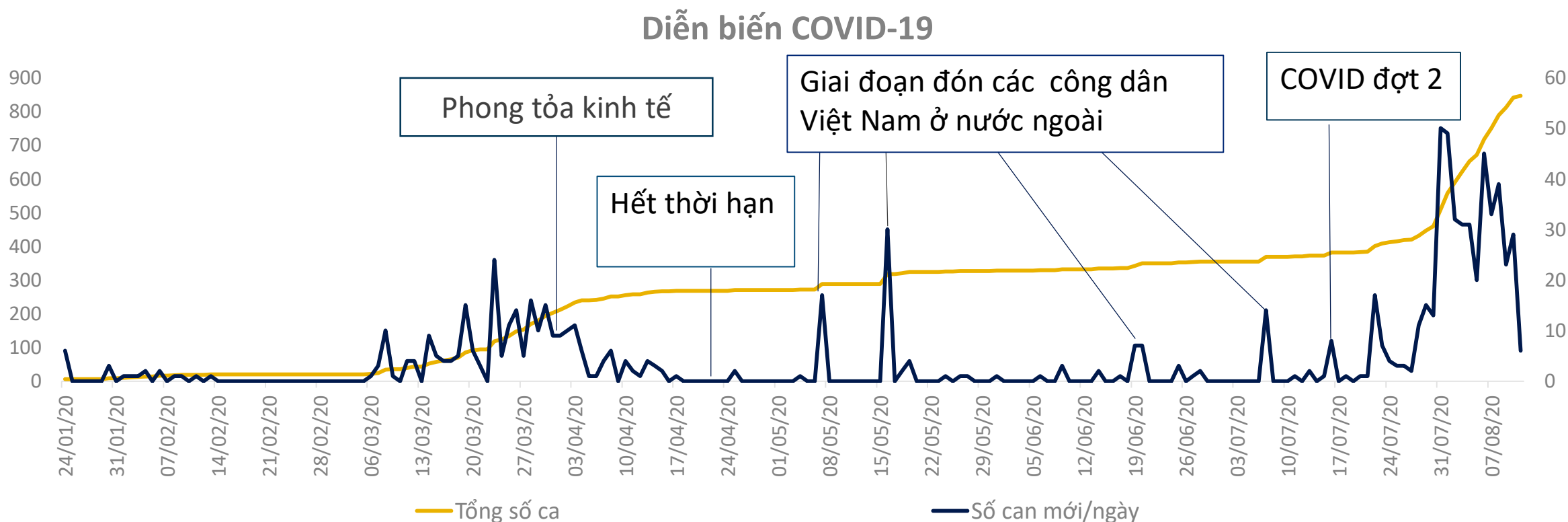
#	Quốc gia	Các gói kích cầu kinh tế
1	Hoa Kỳ	- Cắt giảm lãi suất 2 lần xuống 0% - 0,25%, cam kết duy trì lãi suất cho đến khi việc làm và lạm phát phục hồi hoàn toàn. Gói nới lỏng định lượng 700 tỷ USD mua trái phiếu chính phủ và trái phiếu thế chấp. - Gói kích thích 2.200 tỷ USD của USSD hỗ trợ ngành công nghiệp, thanh toán trực tiếp cho hộ gia đình, cho vay doanh nghiệp nhỏ, thất nghiệp, bệnh viện và hệ thống y tế. - Gói hỗ trợ thất nghiệp 250 tỷ USD từ tháng 04 đến tháng 07.
2	Châu Âu	- Duy trì lãi suất âm, mở rộng chương trình thu mua khẩn cấp trong thời kỳ đại dịch (PEPP) trị giá 1,350 tỷ EUR theo hướng càng nhiều và càng lâu càng tốt. - Đức công bố gói kích cầu 750 tỷ EUR và thêm 130 tỷ EUR, Pháp bảo lãnh 300 tỷ EUR cho doanh nghiệp, hỗ trợ 45 tỷ EUR cho doanh nghiệp nhỏ và người thất nghiệp, ...
3	Trung Quốc	- Bơm thêm 174 tỷ USD để duy trì thanh khoản, giảm lãi suất cho vay kỳ hạn 1 năm 0.1% xuống 3.15% Giảm lãi suất cơ bản kỳ hạn 1 năm 0.1%, giảm 0.05% đối với kỳ hạn 5 năm. Hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc 0.5% - 1%, tương đương 80 tỷ USD, ... - Chính phủ đã bơm 142 tỷ đô la Mỹ vào hệ thống ngân hàng để sử dụng cho các dự án trọng điểm và xây dựng cơ sở hạ tầng. - Chi ngân sách chính phủ 71.9 tỷ USD cho đầu tư hạ tầng và giảm khoảng 86.3 tỷ USD cho thuế VAT của các doanh nghiệp
4	Nhật Bản	- BOJ giữ nguyên lãi suất nhưng mua trái phiếu Chính phủ không giới hạn, tăng gấp đôi quy mô trái phiếu doanh nghiệp. - Gói hỗ trợ khẩn cấp 1,090 tỷ USD và bổ sung 240 tỷ USD cho năm tài chính 2020 để đối phó với dịch bệnh.
5	Hàn Quốc	- BOK đã hạ lãi suất cơ bản tổng cộng 0.75% xuống 0.50%/năm, lần đầu tiên lãi suất cơ bản giảm xuống dưới 1%. - Công bố gói cứu trợ 44 tỷ USD hỗ trợ tài chính doanh nghiệp và thúc đẩy tiêu dùng trong nước.
6	Úc	- Ngân hàng Trung ương cắt giảm tổng cộng 0.5% lãi suất cơ bản từ 0,75% xuống 0,25%, mức thấp nhất trong lịch sử. - Gói cứu trợ 80 tỷ USD để trợ cấp lương cho hơn 6 triệu công nhân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh.
7	Singapore	- Cơ quan tiền tệ giảm biên độ tỷ giá về 0%. - Thực hiện gói hỗ trợ thứ hai tương đương 33,6 tỷ USD và bổ sung gói hỗ trợ bổ sung 3,55 tỷ USD, nâng quy mô hỗ trợ lên 13% GDP.
8	Malaysia	- Giảm lãi suất tổng cộng 0.75% từ 2.75% xuống 2%. - 3 gói kích cầu với tổng 65 tỷ USD.
9	Thái Lan	- Ngân hàng trung ương giảm lãi suất cơ bản từ 1.25% xuống 0.5%. - Gói tài khóa lên tới ít nhất 9.6% GDP hoặc 1,500 tỷ THB.
11	Việt Nam	- Giảm lãi suất chính sách 0.5% trong tháng 5, sau khi giảm lãi suất chính sách 0.5-1.0% vào tháng 3, chỉ đạo hoãn, giãn nợ và giữ nguyên nhóm nợ. Các ngân hàng thương mại đã thiết lập gói tín dụng 600 nghìn tỷ đồng (25.7 tỷ USD). - Gói hỗ trợ tài khóa 266 nghìn tỷ đồng (3.5% GDP). Thúc đẩy đầu tư công từ ngân sách nhà nước ước đạt 700 nghìn tỷ đồng (30 tỷ USD). - Ngày 06/08/2020, NHNN hạ lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND của các TCTD từ 1% xuống 0.5%/năm. Lãi suất tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại NHNN bằng VND là 0.8%/năm, giảm 0.2 điểm phần trăm so với trước đó.

Source : BSC Research incorporated



Kinh tế Vĩ Mô Việt Nam 2020

Cập nhật tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

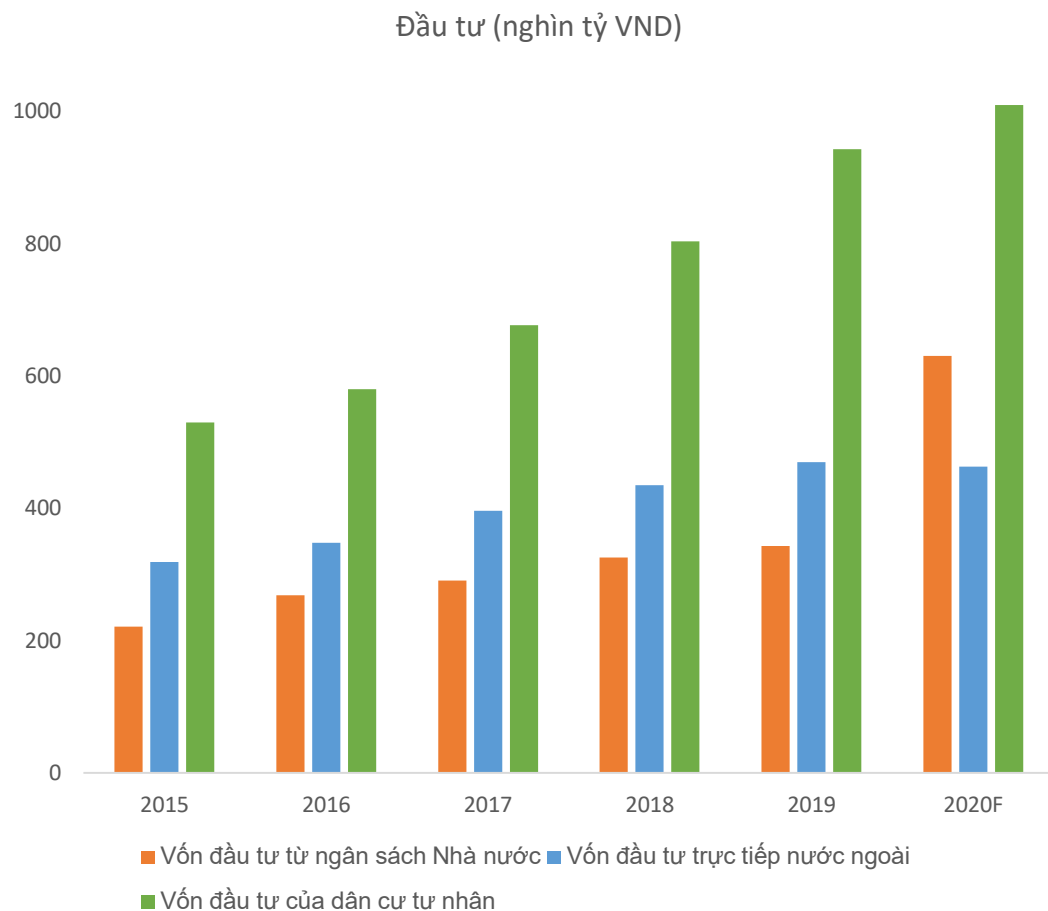


- Tính đến ngày 11/08/2020, Việt Nam có 847 ca nhiễm COVID 19 và 15 ca tử vong.
- Giai đoạn COVID đợt 2 đã tăng thêm 466 ca cho Việt Nam trong 25 ngày kể từ 17/07/2020.
- Làn sóng COVID đợt 2 cũng mang đến những ca tử vong đầu tiên tại Việt Nam do đợt dịch này lây lan diện rộng tại những bệnh nhân cao tuổi Đà Nẵng.
- Biến chứng mới của COVID 19 trong đợt dịch này có tốc độ lây lan nhanh hơn gấp nhiều lần, tuy nhiên độc lực không thay đổi so với chủng cũ.

Kinh tế vĩ mô cập nhật: Kịch bản tăng trưởng

Kịch bản	Ảnh hưởng chính bởi khả năng kiểm soát dịch bệnh của chính phủ	% ↓ GDP YoY
Tích cực	• Covid-19 được kiểm soát trong ba tháng • Giả định, trong quý III: ○ (1) bán lẻ hàng hóa giảm -4.87%, ○ (2) lưu trú và ăn uống giảm -44.94%, ○ (3) du lịch lữ hành giảm -92.27%, ○ (4) dịch vụ khác giảm -56.02%, và ○ (5) xuất khẩu dịch vụ du lịch giảm -98.13%. • Giả định, chính phủ giải ngân được 100% số dự kiến (630,000 tỷ VND)	• Tác động của suy giảm khu vực tiêu dùng, GDP có thể tăng 1.32% YoY. • Hỗ trợ từ đầu tư công, GDP có thể tăng 3.04% YoY
	• Covid-19 được kiểm soát trong sáu tháng • Giả định, trong quý III + IV: ○ (1) bán lẻ hàng hóa giảm -4.87%, ○ (2) lưu trú và ăn uống giảm -20.48%, ○ (3) du lịch lữ hành giảm -67.68%, ○ (4) dịch vụ khác giảm -38.88%, và ○ (5) xuất khẩu dịch vụ du lịch giảm -54.69%. • Giả định, chính phủ giải ngân được 100% số dự kiến (630,000 tỷ VND)	• Tác động của suy giảm khu vực tiêu dùng, GDP có thể giảm -0.15% YoY. • Hỗ trợ từ đầu tư công, GDP có thể tăng 1.57% YoY.

Kinh tế vĩ mô cập nhật: Đầu tư công



- Giải ngân vốn ngân sách Nhà nước kỳ vọng đạt 630,000 tỷ VND (bao gồm 420,000, tương đương 90% kế hoạch 2020 và 210,000 còn lại trong những năm trước):
 - (1) Chính phủ đưa việc giải ngân vốn ngân sách vào chỉ tiêu thi đua,
 - (2) Chính phủ tích cực đốc thúc giải ngân bắt đầu trong tháng 7.
- Nếu giải ngân tốt, ước tính đóng góp 1.72% vào GDP, trợ giúp phần nào, bối cảnh đầu tư FDI và đầu tư tư nhân khả năng suy giảm hoặc tăng thấp.

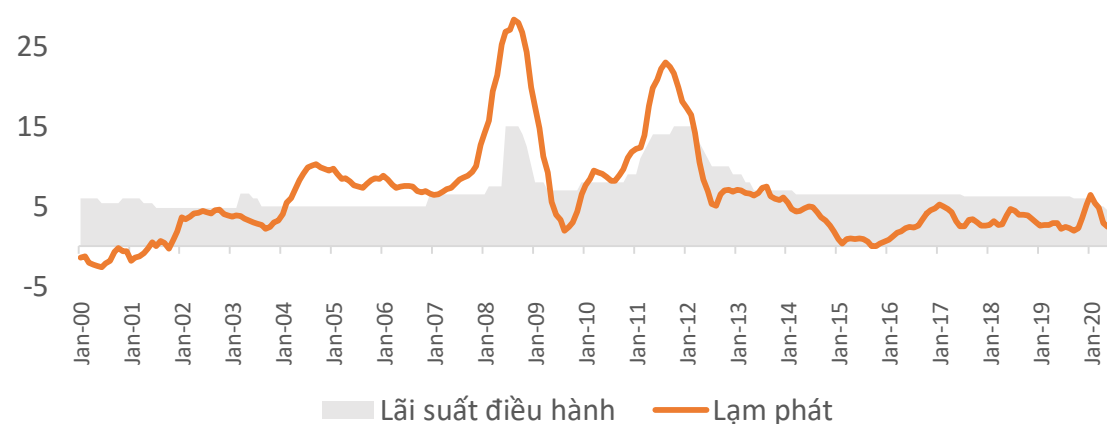
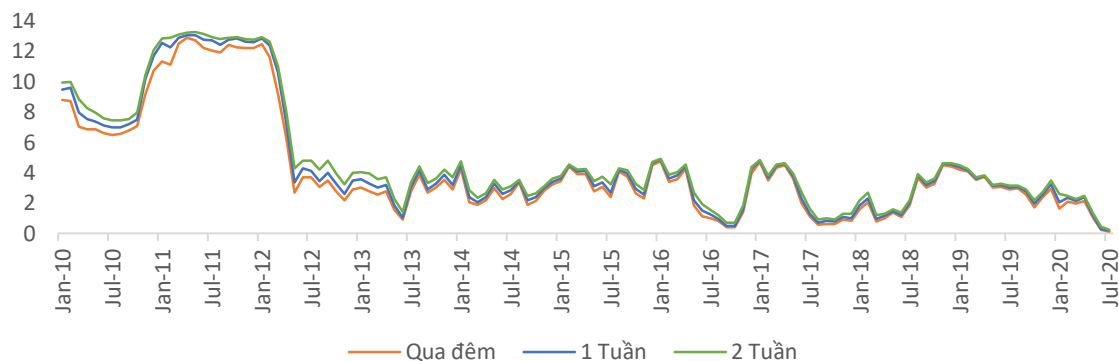
		Lũy kế bảy tháng						
		2020	2019	2018	2017	2016	2015	2014
% Kế hoạch	Tổng số	42.7	44.9	44.5	47.2	50.8	54.8	60.2
	Trung ương	38.4	40.2	42.8	45.2	48.5	55.1	64.8
	Địa phương	43.6	45.7	44.9	47.8	51.5	54.7	59
% YoY	Tổng số	27.2	3.9	10.6	7.3	12.5	3.1	3.0
	Trung ương	60.1	-29.9	-8.1	5.7	18.3	-0.6	1.1
	Địa phương	22.5	11.4	15.9	7.8	10.9	4.0	3.6

Kinh tế vĩ mô cập nhật: Tín dụng + Lãi suất

Lũy kế bảy tháng (%)

	Jul-13	Jul-14	Jul-15	Jul-16	Jul-17	Jul-18	Jul-19	Jul-20
M2	7.51%	6.85%	6.30%	9.80%	7.62%	7.93%	7.04%	5.13%
Tín dụng	5.36%	3.72%	8.61%	9.64%	9.58%	8.10%	7.48%	3.45%

Lãi suất liên ngân hàng (%)



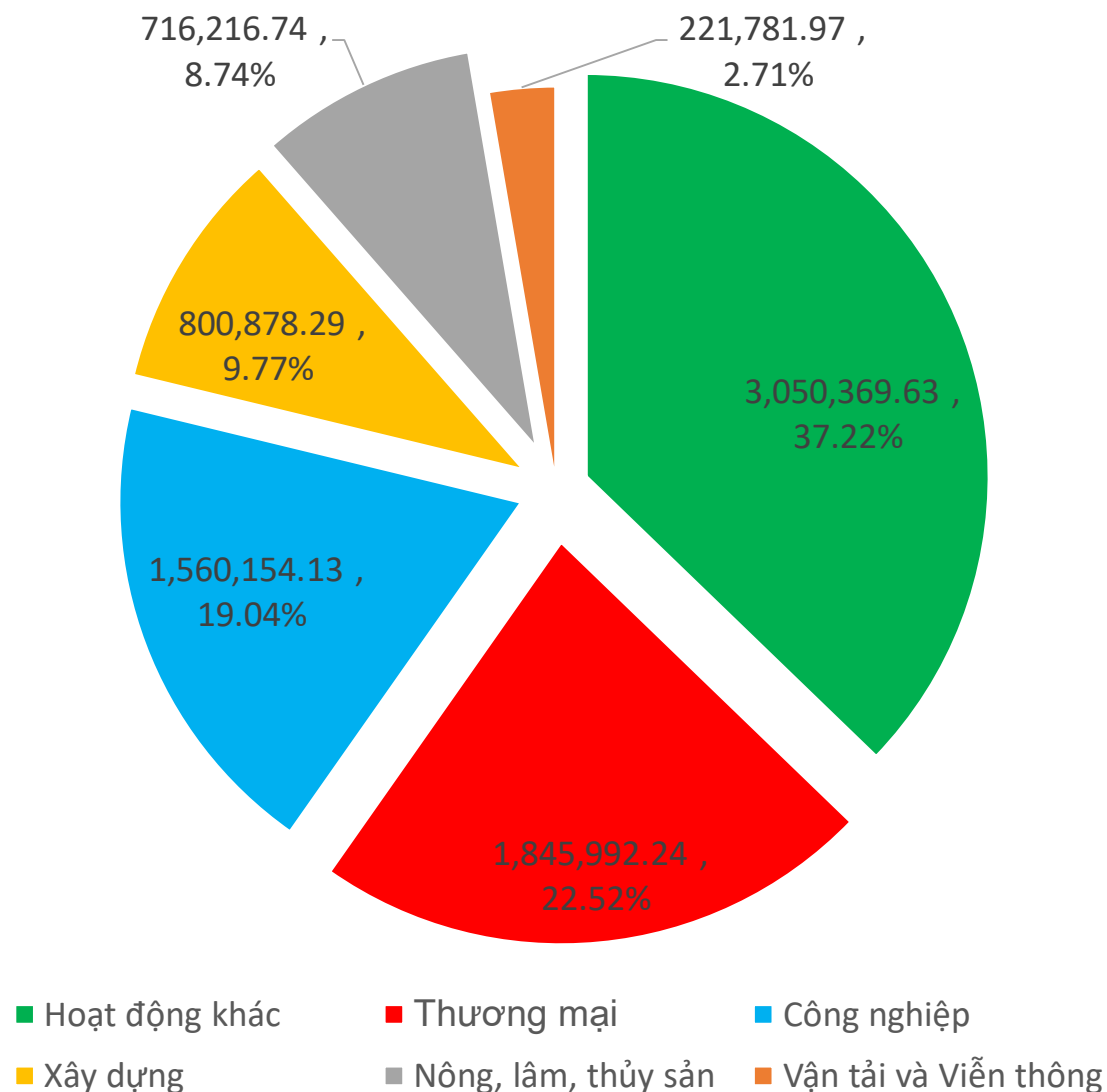
- Covid-19 bùng phát lần hai, khả năng NHNN cắt giảm lãi suất thêm một lần - 0.5% từ nay tới cuối 2020:
 - (1) Lạm phát vừa phải trong bảy tháng đầu (4.07% bình quân, 3.39% YoY) → tạo dư địa điều hành đối với NHNN
 - (2) Tăng trưởng thấp mặc cho NHNN cắt giảm hai lần tổng cộng 1.50% (mục tiêu 10%).
- Tuy vậy, hiệu quả của hoạt động điều hành vẫn chưa thể hiện rõ ràng. Nhiều ngành nghề cho thấy tín hiệu thận trọng trong việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh (Chỉ số sử dụng lao động và chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo lần lượt giảm -1.9% và tăng thấp +4.3%).
- Bối cảnh hiệu quả của chính sách tiền tệ chưa rõ ràng, đầu tư công đóng vai trò mũi nhọn, thúc đẩy kinh tế.

Kinh tế vĩ mô cập nhật: Tiêu dùng + XNK

Quý		Q3/13	Q4/13	Q1/14	Q2/14	Q3/14	Q4/14	Q1/15	Q2/15	Q3/15	Q4/15	Q1/16	Q2/16	Q3/16	Q4/16	Q1/17	Q2/17	Q3/17	Q4/17	Q1/18	Q2/18	Q3/18	Q4/18	Q1/19	Q2/19	Q3/19	Q4/19	Q1/20	Q2/20	Trung bình
Tiêu dùng	Bán lẻ hàng hóa + Dịch vụ tiêu dùng	14.0%	12.2%	10.3%	15.4%	7.6%	16.6%	12.8%	5.9%	13.6%	8.6%	8.7%	10.6%	9.9%	6.1%	7.2%	16.0%	12.7%	10.3%	13.8%	7.0%	12.2%	14.2%	13.1%	12.4%	11.6%	12.5%	5.2%	-5.9%	10.5%
	Bán lẻ hàng hóa	13.8%	12.4%	7.8%	13.5%	5.6%	14.1%	14.0%	6.0%	14.7%	11.3%	8.7%	11.5%	10.0%	3.8%	4.9%	14.7%	10.8%	8.6%	15.0%	6.7%	12.6%	16.2%	14.9%	13.5%	12.3%	13.3%	8.3%	-0.4%	10.7%
	Lưu trú và ăn uống	17.1%	15.9%	13.0%	13.8%	7.5%	12.7%	5.4%	5.5%	9.2%	2.2%	8.3%	6.5%	10.3%	18.9%	17.2%	26.1%	19.2%	16.6%	13.0%	6.6%	8.5%	8.5%	8.7%	11.1%	9.5%	6.0%	-9.9%	-26.0%	9.3%
	Du lịch lữ hành	-9.8%	14.5%	23.0%	20.1%	28.3%	4.9%	-9.2%	-2.6%	13.0%	19.7%	8.2%	11.2%	4.8%	23.7%	10.7%	4.9%	17.4%	-8.9%	33.7%	10.6%	-1.4%	19.4%	11.4%	11.8%	9.5%	16.0%	-31.2%	-76.7%	6.3%
	Dịch vụ khác	15.1%	7.0%	24.9%	30.4%	20.6%	40.2%	14.0%	6.6%	11.1%	-2.7%	9.2%	9.3%	9.3%	8.1%	11.8%	15.7%	17.9%	16.9%	5.8%	8.6%	14.6%	7.7%	5.9%	7.2%	9.5%	14.0%	2.6%	-16.2%	11.6%
Xuất nhập khẩu	Xuất khẩu hàng hóa	12.2%	15.8%	12.3%	16.0%	12.6%	13.2%	7.0%	12.1%	10.8%	3.3%	6.2%	5.4%	7.0%	14.4%	15.4%	21.8%	22.4%	25.1%	24.2%	10.3%	15.5%	10.2%	7.7%	7.7%	10.1%	5.1%	1.0%	-3.2%	11.5%
	Khu vực nội địa	7.1%	1.9%	4.3%	16.2%	17.1%	5.1%	-2.6%	0.8%	-7.0%	0.0%	2.4%	4.6%	5.8%	10.0%	13.7%	13.9%	21.4%	18.1%	21.4%	23.7%	11.1%	18.1%	13.9%	9.2%	26.3%	24.3%	9.3%	15.0%	10.9%
	Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	15.0%	23.5%	16.7%	15.9%	10.3%	16.9%	11.6%	17.5%	20.5%	4.6%	7.8%	5.8%	7.5%	16.1%	16.1%	25.0%	22.8%	27.8%	25.3%	5.3%	17.3%	7.4%	5.4%	7.0%	3.9%	-2.2%	-2.5%	-11.4%	12.0%
	Nhập khẩu hàng hóa	10.6%	13.5%	10.7%	8.7%	13.5%	17.8%	15.9%	18.2%	14.5%	0.4%	-1.0%	-0.9%	3.9%	16.5%	26.7%	24.1%	20.8%	21.0%	12.8%	7.6%	15.3%	10.6%	9.4%	11.3%	5.4%	1.7%	-3.0%	-6.0%	10.7%
	Khu vực nội địa	2.1%	4.5%	5.5%	12.3%	15.6%	12.7%	4.4%	11.1%	11.9%	-1.6%	3.5%	1.2%	-3.0%	20.0%	29.1%	16.2%	18.4%	17.7%	10.6%	15.0%	9.4%	10.2%	13.3%	14.9%	13.3%	14.0%	-4.2%	0.1%	9.9%
	Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	18.2%	21.3%	15.0%	5.9%	11.9%	21.5%	24.5%	23.9%	16.6%	1.7%	-3.8%	-2.5%	9.1%	14.2%	25.0%	29.9%	22.5%	23.3%	14.3%	2.7%	19.1%	10.8%	6.7%	8.6%	0.7%	-6.4%	-2.1%	-10.7%	11.5%

- Khu vực tiêu dùng – điểm sáng trong tháng 5-6 – cũng phục hồi chậm hơn hẳn trong tháng 7.
 - Dịch vụ lưu trú ăn uống tăng vừa phải, trong khi dịch vụ du lịch lữ hành giảm sâu hơn trong tháng qua, dù cho đây là thời điểm hè của đại đa số các học sinh.
 - Cùng với đó, cấu khối lớn nhất là bán lẻ hàng hóa, không còn cải thiện mạnh, chỉ tăng 7.0% YoY trong tháng 7, và tăng 3.6% YoY trong bảy tháng đầu 2020 (tháng sáu lần lượt đạt mức 9.4% YoY và 3.4% YoY).
 - Cầu nội địa là trụ đỡ cốt lõi của vĩ mô trong giai đoạn khó khăn qua. Cùng việc dịch trở lại, cầu trong nước yếu đi có thể khiến bức tranh vĩ mô của Việt Nam thêm ảm đạm 2H2020.
- Ảnh hưởng của Covid-19 trên xuất nhập khẩu của Việt Nam không thể hiện trên tính toán GDP, mà sẽ tác động sâu rộng hơn vào thu nhập, cũng như tiêu dùng của người dân, bối cảnh chuỗi cung ứng chưa phục hồi hoàn toàn bởi nhiều khó khăn khách quan, cùng việc nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh phải thận trọng khi những đợt bùng phát dịch bệnh vẫn là nguy cơ tiềm ẩn. (Lũy kế tới tháng 7, xuất khẩu tăng 1.5%, nhập khẩu giảm -3.0%)

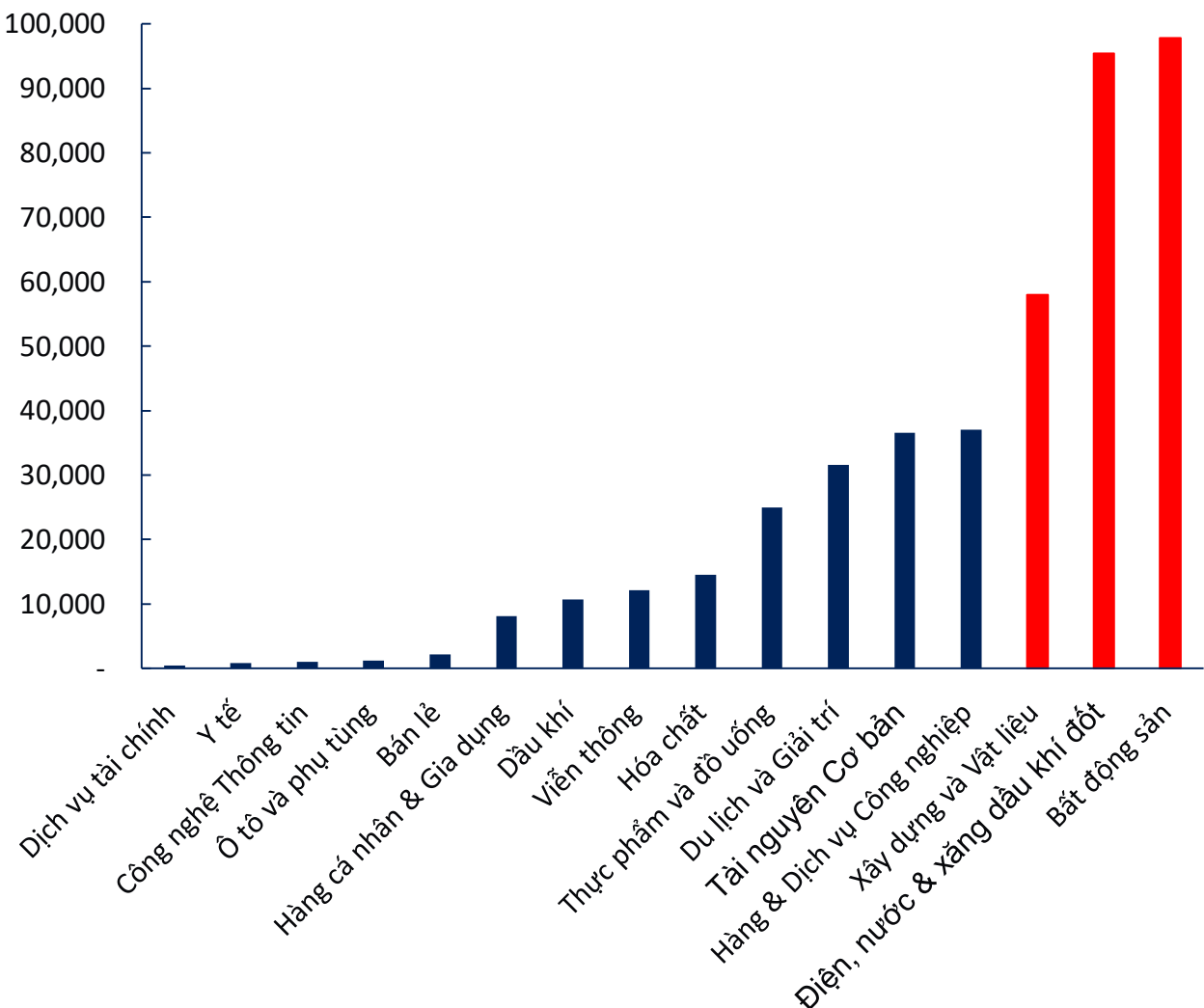
Kịch bản: giảm lãi suất điều hành



- Nếu lãi suất điều hành giảm, khu vực với dư nợ tín dụng lớn nhất khả năng được lợi: **Thương mại, Công nghiệp.**

(Nguồn: Fiinpro, SBV, BSC Research) (đơn vị: tỷ VND)

Kịch bản: giảm lãi suất điều hành



- Nếu lãi suất điều hành giảm, các khu vực vay ngân hàng lớn nhất khả năng được lợi: **Bất động sản, Điện, nước, và xăng dầu khí đốt, Xây dựng và vật liệu, và Hàng & dịch vụ công nghiệp.**

(Nguồn: Fiinpro, BSC Research) (đơn vị: tỷ VND)

Kịch bản: giảm lãi suất điều hành

ST T	Ngành	Tác động	Mức độ giảm	Ảnh hưởng đến LNTT	Các cổ phiếu chịu ảnh hưởng lớn
1	Toàn thị trường (trừ ngân hàng)	Tích cực	0.25%	1.01%	
2	BĐS thương mại	Tích cực	0.25%	3.60%	NVL, HDG, HPX, VPI, VHM, DXG, SCR, DIG
3	Vận tải biển	Tích cực	0.25%	3.45%	PVT, HAH
4	Điện	Tích cực	0.25%	2.80%	PGV, POW, VSH
5	Xây dựng	Tích cực	0.25%	2.45%	HBC, LCG , CII
6	Phân bón	Tích cực	0.25%	2.20%	BFC, SFG, LAS
7	Xi măng	Tích cực	0.25%	2.1-2.9%	HT1, BCC, SCJ, HVX, QNC
8	Dầu khí	Tích cực	0.25%	1.60%	PGS, PVG, PVC, PLX, PXS.
9	Thép	Tích cực	0.25%	1.60%	HPG, HSG
10	Dệt may	Tích cực	0.25%	1.4-1.7%	TNG, TCM, HSM, FTM
11	Nhựa	Tích cực	0.25%	1.1-1.3%	AAA, NTP
12	BĐS Khu công nghiệp	Trung lập	0.25%	1.03%	SZC, BCM, IDC, HPI
13	Cao su & Săm lốp	Trung lập	0.25%	0.86%	HRC, DRI, GVR
14	Tiêu dùng	Trung lập	0.25%	0.87%	MSN, MWG , SBT
15	Ngân hàng	Trung lập	0.25%	0.73%	VCB, CTG, BID, VPB, AGRB,...
16	Cảng biển	Trung lập	0.25%	0.35%	GMD, PHP, VSC
17	Ô tô	Trung lập	0.25%	0.14%	HAX, SVC, CTF
18	Hàng không	Trung lập	0.25%	0.00%	
19	Thủy sản	Trung lập	0.25%	0.05 - 0.06%	VHC, MPC, IDI
20	CNTT	Trung lập	0.25%	0.04 - 0.06%	FPT, VTP, VGI
21	Hóa chất	Trung lập	0.25%	0.02 - 0.05%	DGC, CSV, PAC
22	Dược phẩm	Trung lập	0.25%	0.02 - 0.03%	DP1, DBT
23	Bảo hiểm	Tiêu cực	0.25%	-6%	PVI, BMI, BVH,...

- Như đã đề cập tại báo cáo [Quyết định 1870](#), giả định trong trường hợp lãi suất cho vay và lãi suất huy động của toàn thị trường **giảm 0.25%**, Các ngành hưởng lợi **TÍCH CỰC** phần lớn là do cơ cấu nợ vay cao: **(1) BĐS thương mại, (2) Dầu khí, (3) Phân bón, (4) điện, (5) thép...** (tăng lợi nhuận trước thuế từ 1.6% đến 3.6%).

(Nguồn: BSC Research)



TTCK Việt Nam 2020

Quan điểm khi làn sóng Covid-19 lần 2?

Mức độ ảnh của làn sóng Covid lần 2 là không lớn như lần 1. Các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số:

- (1) Tích cực:** TTCK thế giới duy trì đà tăng tích cực; Các nước đang đẩy nhanh thử nghiệm Vaccine (Nga công bố Vaccine); Định hướng kiểm soát từng phần dịch bệnh duy trì hoạt động kinh tế; Mặt bằng giá giữ ở mức thấp, nhóm cổ phiếu Ngân hàng cải thiện lợi nhuận và tạo nền giá cho thị trường.
- (2) Tiêu cực:** Yếu tố tâm lý chi phối, khối ngoại bán ròng, dịch bệnh chưa thể kiểm soát, biến động khó lường của các thị trường thế giới khi trở lại vùng trước dịch.

Thị trường dự báo tạo nền giá cao hơn lần 1 ở mức 750 - 800 điểm dù vậy để chủ động trước biến động lớn, NĐT vẫn cần:

- Giảm tỷ lệ cổ phiếu xuống mức an toàn, hạn chế dùng đòn bẩy.
- Tập trung vào những cổ phiếu triển vọng tích cực (tham khảo báo cáo Triển vọng Ngành Q32020 [Link](#)).
- Hạn chế giao dịch tần suất lớn, với NĐT am hiểu có thể sử dụng hợp đồng tương lai để: (1) cân bằng danh mục phòng ngừa rủi ro với danh mục hiện hữu hoặc (2) Cơ hội kiếm lời khi thị trường giảm.

Dự báo VN-Index năm 2020

VN-Index	Tiêu cực	Tích cực	Cơ sở
Phương pháp 1: P/E, EPS forward	750	880	Kịch bản vĩ mô, dự báo EPS 2020↓6.3% P/E lần lượt 12.5 và 14.6
Phương pháp 2: Peer's forecast	856.9	961.6	Dự báo các CTCK và tổ chức TC
Bình quân 2 phương pháp	803.5	920.8	

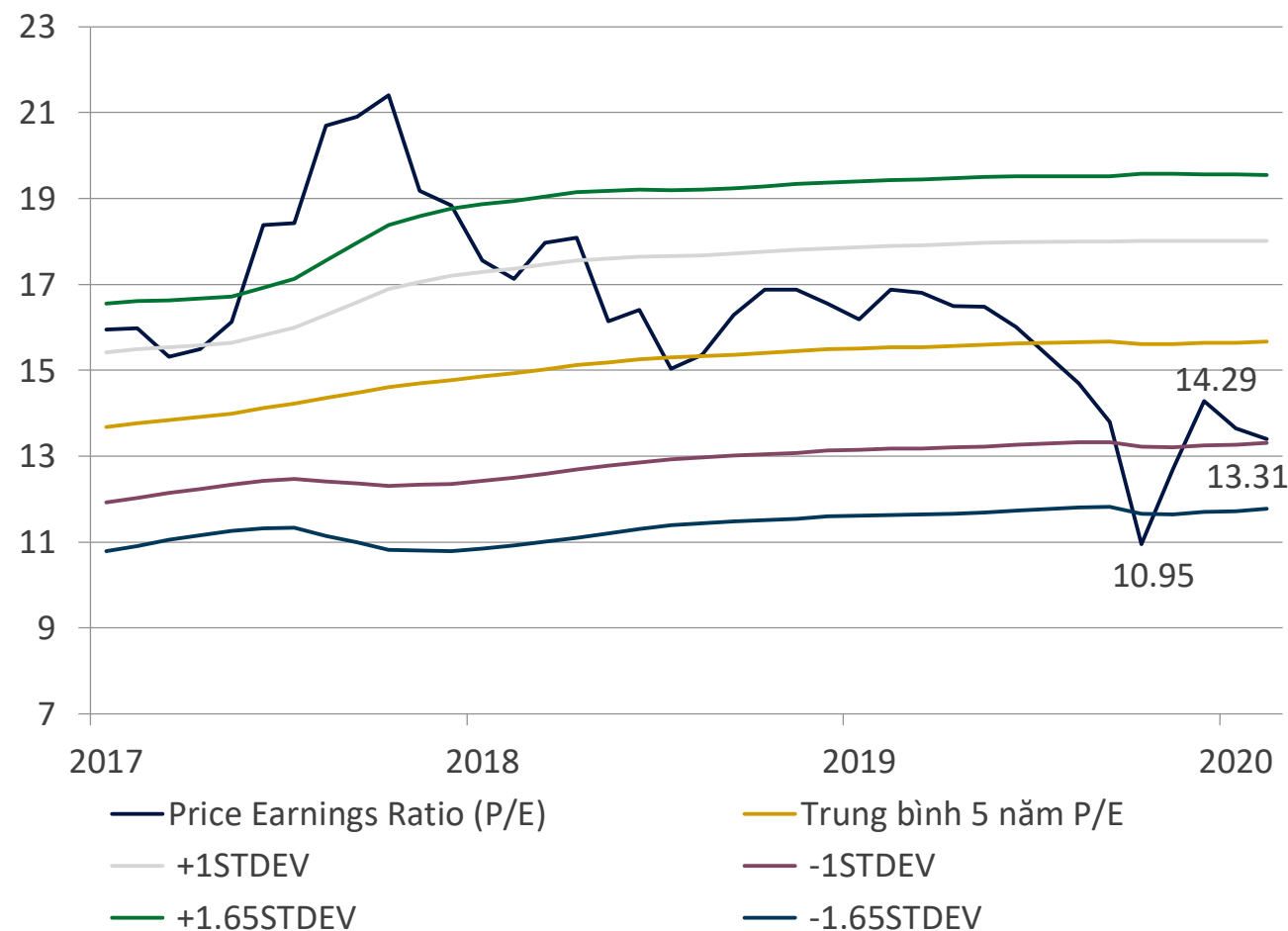


Dự báo 35 cổ phiếu bởi các tổ chức tài chính

No	Stock	Weight	11/08/2020	Mean	Max	Min	P/E	P/B	No	Stock	Weight	11/08/2020	Mean	Max	Min	P/E	P/B
1	VCB	10.31%	82,100	85,113	90,000	75,140	16.7	3.4	19	FPT	1.25%	47,000	58,620	65,000	55,500	11.0	2.5
2	VIC	10.02%	87,500	112,260	122,000	104,300	38.8	3.7	20	MWG	1.22%	79,500	131,247	164,500	94,453	9.5	2.5
3	VHM	9.00%	79,400	103,648	113,000	90,000	11.7	3.8	21	BVH	1.14%	45,250	60,475	63,000	58,000	27.6	1.7
4	VNM	6.75%	114,500	126,617	138,300	115,000	20.7	6.6	22	HVN	1.13%	23,550	26,186	26,472	25,900	-	0.6
5	BID	5.24%	38,500	37,200	45,300	26,700	17.9	2.0	23	HDB	0.89%	26,700	32,074	34,000	30,700	6.3	1.2
6	GAS	4.54%	70,000	71,479	76,600	66,374	13.6	2.6	24	POW	0.76%	9,590	14,251	17,457	12,000	10.4	0.8
7	SAB	3.88%	178,500	192,000	195,000	190,000	28.2	6.2	25	EIB	0.71%	17,000	12,500	12,500	12,500	30.0	1.3
8	CTG	2.92%	23,200	25,330	27,200	23,800	7.7	1.1	26	STB	0.68%	10,650	14,725	16,500	12,950	7.9	0.7
9	TCB	2.31%	19,450	26,500	32,000	22,400	6.3	1.0	27	TPB	0.61%	21,100	24,250	24,500	24,000	5.1	1.2
10	HPG	2.27%	24,250	25,034	30,608	15,833	9.2	1.5	28	KDH	0.45%	24,400	29,126	31,100	27,300	12.0	1.7
11	MSN	2.16%	54,600	69,212	84,908	51,000	16.8	2.8	29	HNG	0.45%	11,950	11,950	11,950	11,950	#N/A	#N/A
12	NVL	2.12%	64,700	62,808	66,000	57,000	16.4	2.7	30	DHG	0.43%	96,700	89,933	95,000	86,800	19.2	4.0
13	VRE	2.07%	26,300	33,213	39,000	28,450	24.9	2.2	31	PNJ	0.42%	55,100	69,918	86,200	50,300	11.9	2.6
14	PLX	2.00%	45,700	46,900	48,100	45,700	103.6	2.8	32	BHN	0.38%	48,900	48,900	48,900	48,900	31.8	2.4
15	VJC	1.82%	99,500	100,810	110,600	84,630	28.7	3.5	33	REE	0.36%	34,500	42,252	47,208	38,100	7.2	1.0
16	VPB	1.78%	21,450	26,584	30,100	22,500	5.2	1.1	34	GEX	0.35%	21,000	20,100	20,100	20,100	15.1	1.6
17	GVR	1.50%	11,100	14,100	14,100	14,100	14.4	1.0	35	VGC	0.33%	21,700	20,267	20,600	20,100	15.9	1.5
18	MBB	1.36%	16,500	24,379	45,819	15,800	4.7	0.9	VN-Index		84.0%	843.1	961.6	1062.4	856.9	15.2	2.2

Chỉ số P/E VN-Index và Ngành

P/E ratio VNindex

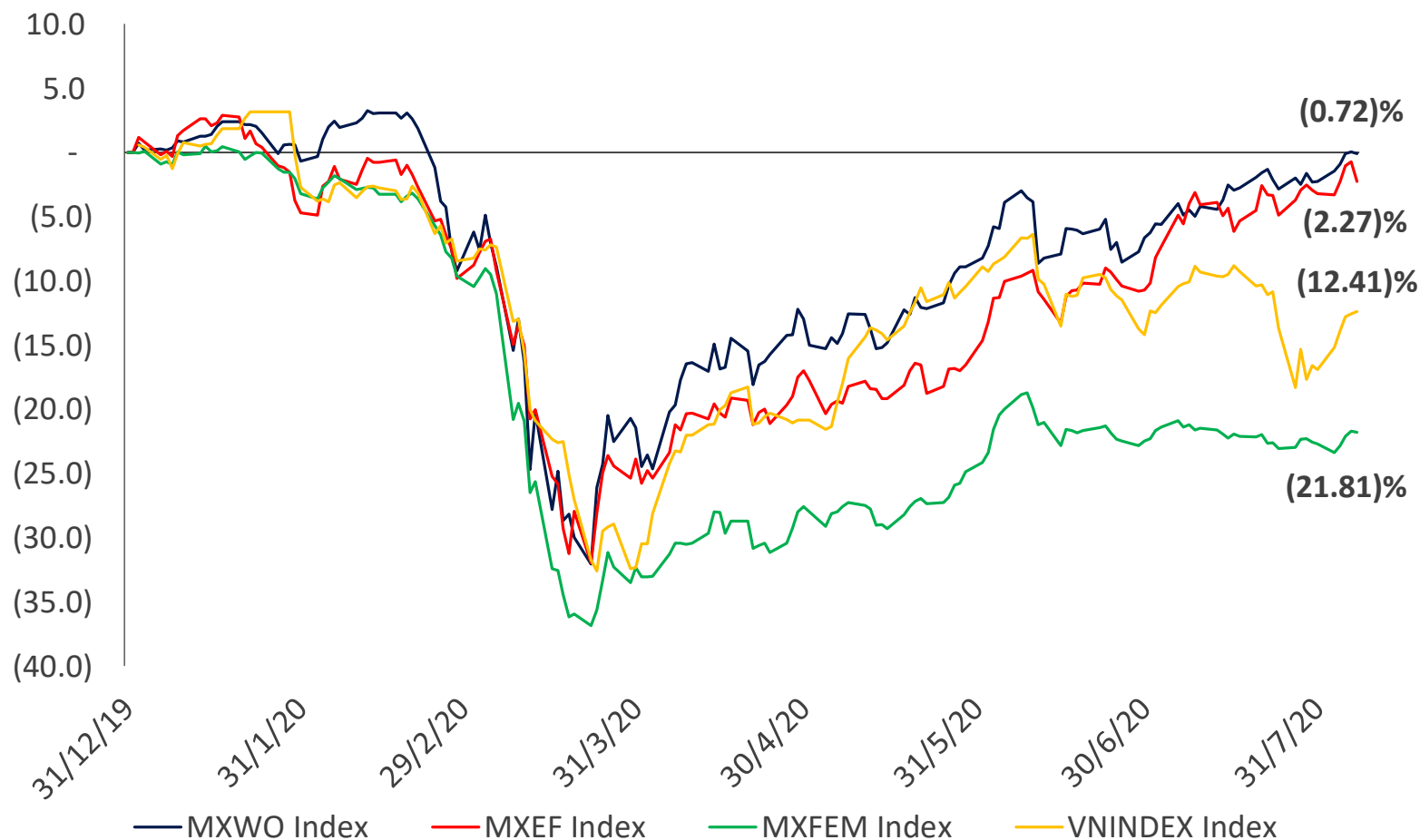


P/E, P/B ratio Ngành

Ngành	Tăng giảm	P/E	± %	P/B	± %
Dầu khí	-19.5%	18.74	171.3%	1.25	-15.9%
Nguyên Vật Liệu	9.2%	12.72	12.1%	1.03	3.8%
Công nghiệp	-10.1%	13.93	-5.0%	1.8	-16.1%
Hàng tiêu dùng	-7.0%	18.43	-9.5%	2.85	-6.3%
Dược và Y tế	1.8%	13.8	-7.2%	1.99	-5.5%
Dịch vụ tiêu dùng	-23.5%	16.71	485.0%	3.13	-20.0%
Viễn thông	7.2%	38.83	-14.2%	2.65	-1.1%
Tiện ích cộng đồng	-12.5%	13.6	-8.8%	2.07	-20.1%
Tài chính	-13.8%	20.34	-19.6%	2.58	-19.8%
Ngân hàng	-6.8%	11.85	-17.8%	1.89	-19.1%
Công nghệ thông tin	-4.8%	12.72	-8.1%	2.1	-11.0%

- P/E Vnindex đang ở mức 13.3, thấp hơn 10% so với mức bình quân 5 năm (2015-2019)
- Ngành vật liệu, Viễn thông, Dược và Y tế có hiệu suất dương

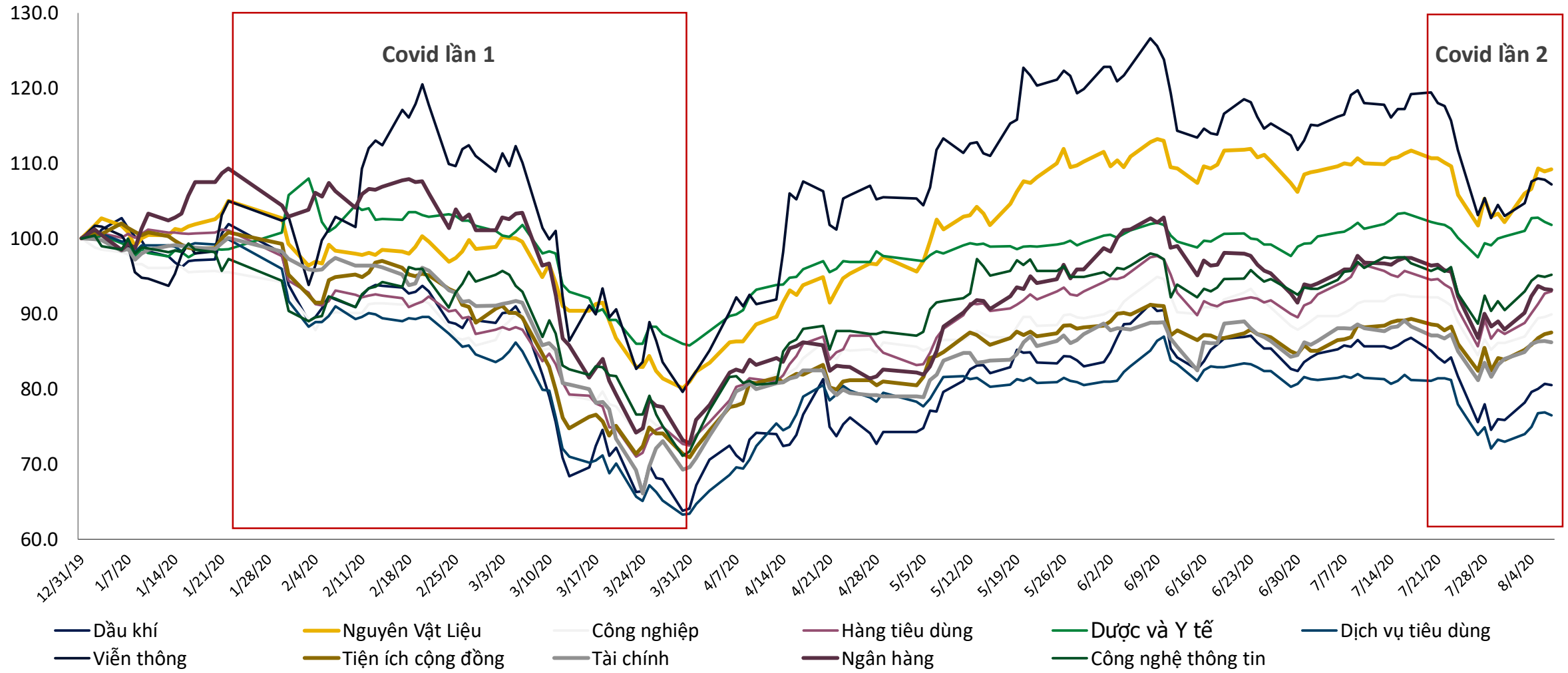
Tương quan VN-Index so MSCI



Chỉ số MSCI các nước phát triển (MXWO), các nước mới nổi (MXEF) tăng gần về mức đầu năm 2019.

P/E và P/B của VN-Index thấp hơn 22% và 11% so khu vực mới nổi.

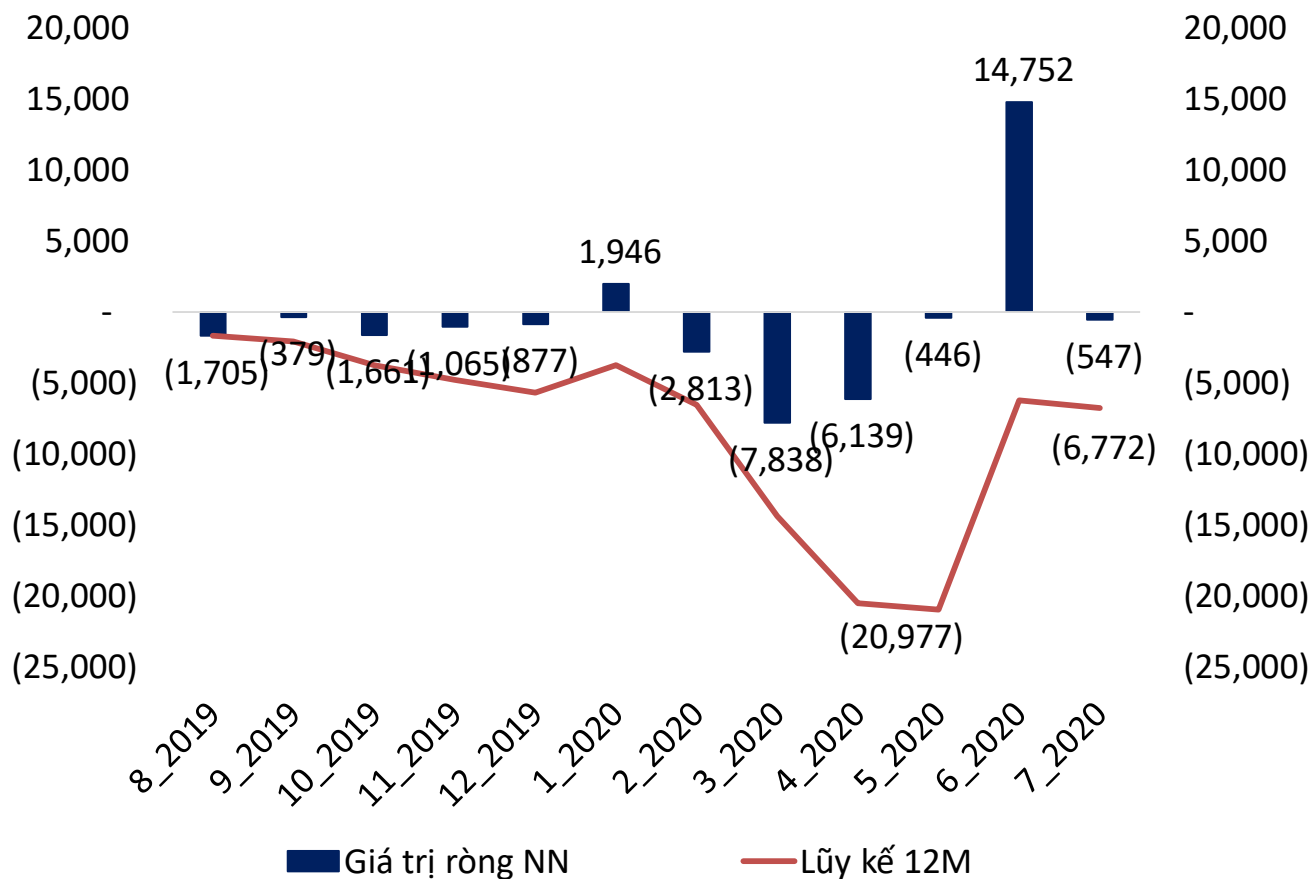
Diễn biến ngành cấp I với Covid



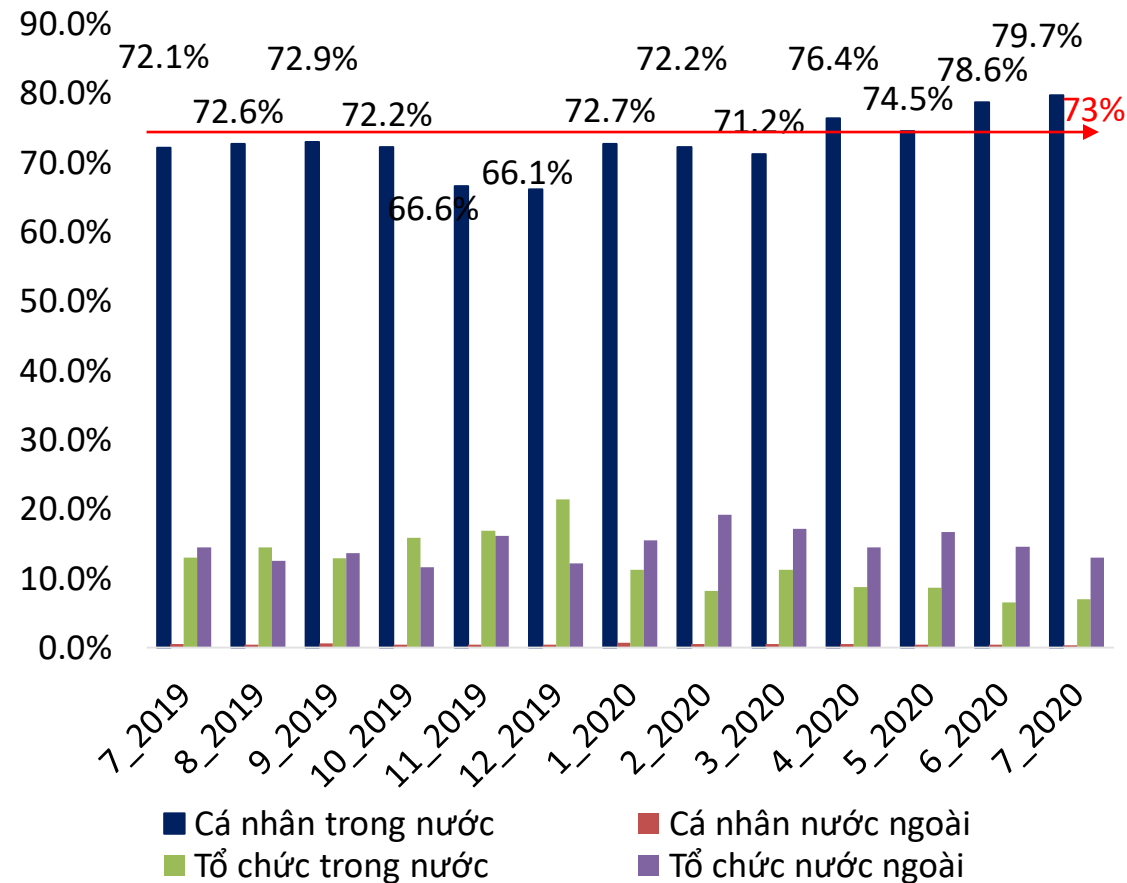
- **Ngành vật liệu, viễn thông, y tế có mức giảm thấp hơn so với thị trường trong dịch bệnh và hồi phục mạnh hơn thị trường sau dịch bệnh.**

Dòng tiền giao dịch 12 tháng

Giao dịch NĐTNN 12 tháng



Cơ cấu giao dịch NĐT 12 tháng



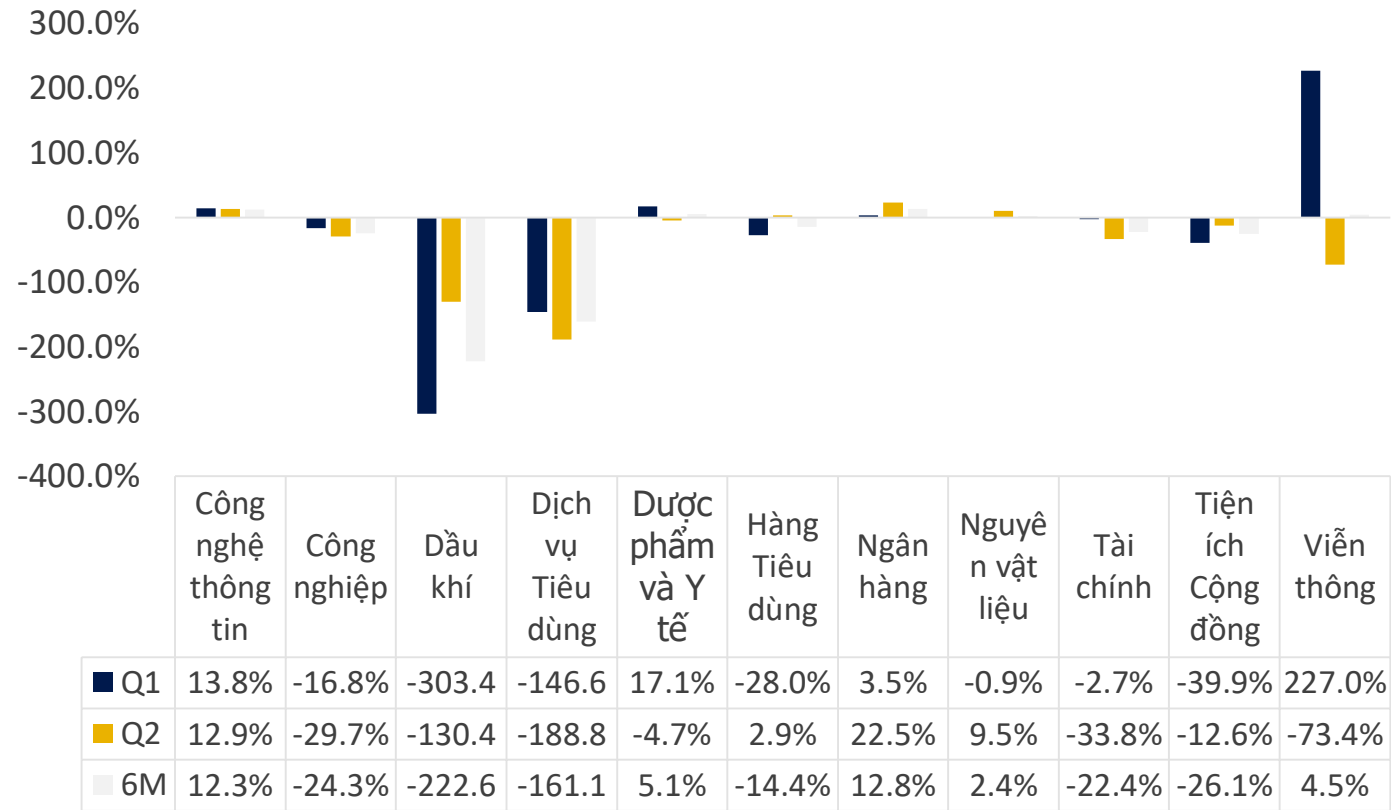
NĐTNN bán ròng -6,722 tỷ trong 12 tháng, và bán ròng mạnh nhất vào tháng 3 với -7,838 tỷ.

NĐT cá nhân đẩy mạnh giao dịch kể từ tháng 3, vượt trên mức bình quân 73% trong 12 tháng.

Source: FiinPro

Ngành ngân hàng đóng góp chính 1H2020

Tăng trưởng LNST Q1, Q2, 6M2020



Cơ cấu LNST ngành 6M 2019 -2020

Ngành	Tỷ trọng 6M2019	Tỷ trọng 6M2020
Công nghệ thông tin	1.4%	2.0%
Công nghiệp	13.1%	12.7%
Dầu khí	2.9%	-4.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	4.9%	-3.8%
Dược phẩm và Y tế	0.9%	1.2%
Hàng Tiêu dùng	13.3%	14.6%
Ngân hàng	28.5%	41.2%
Nguyên vật liệu	5.6%	7.4%
Tài chính	19.4%	19.3%
Tiện ích Cộng đồng	9.0%	8.6%
Viễn thông	1.0%	1.4%

Ngành Công nghệ thông tin, Dược phẩm và y tế, Ngân hàng, Nguyên vật liệu và Viễn thông tăng trưởng dương 6M2020. Ngành Ngân hàng tăng mạnh tỷ trọng từ 28.5% lên 41.2% toàn thị trường 6M2020.

Chiến lược đầu tư quý III (tham khảo)

Ngành	Đánh giá	Cổ phiếu lưu ý	Ngành	Đánh giá	Cổ phiếu lưu ý
Ngân hàng	Khả quan	VCB, ACB, MBB, TCB, CTG	Xi măng	Trung lập	HT1, BCC
Công nghệ thông tin – viễn thông	Khả quan	FPT, CMG, VTP	Thép	Trung lập	HPG, HSG
Bảo hiểm phi nhân thọ	Trung lập	BVH, PVI	Thủy sản	Trung lập	VHC, MPC
Bất động sản thương mại	Trung lập	KDH, NLG, HDG	Tiêu dùng bán lẻ	Trung lập	VNM, MWG, MSN
Bất động sản khu CN	Trung lập	KBC, SZC	Dầu khí	Kém khả quan	GAS, PVS
Cảng biển	Trung lập	GMD, VSC	Dệt may	Kém khả quan	MSH, TCM, TNG
Cao su và sẫm lốp	Trung lập	GVR, PHR, DRC	Đường	Kém khả quan	SBT, QNS
Dược	Trung lập	DHG, IMP	Hàng không	Kém khả quan	HVN, VJC
Nhựa	Trung lập	BMP, NTP	Vận tải biển	Kém khả quan	PVT
Ô tô	Trung lập	SVC, TCH	Xây dựng	Kém khả quan	CTD, HBC

Các báo cáo liên quan

- Báo cáo tuần: <https://www.bsc.com.vn/Report/ReportFile/2361027?key=21>
- Báo cáo tháng: <https://www.bsc.com.vn/Report/ReportDetail/2316027>
- Báo cáo Corona: <https://www.bsc.com.vn/Report/ReportDetail/2306330>
- Báo cáo Corona 2: <https://www.bsc.com.vn/Report/ReportFile/2333573?key=26>
- Báo cáo Doanh nghiệp khác: <https://www.bsc.com.vn/bao-cao-phan-tich/danh-muc-bao-cao/0>
- Báo cáo Lãi suất: <https://www.bsc.com.vn/Report/ReportFile/2246434>
- Báo cáo EVFTA: <https://www.bsc.com.vn/Report/ReportFile/2246113>
- Báo cáo Ngành Ngân hàng:
<https://www.bsc.com.vn/Report/ReportFile/2333620?key=19>

Disclaimer

The information, statements, forecasts and projections contained herein, including any expression of opinion, are based upon sources believed to be reliable but their accuracy completeness or correctness are not guaranteed. Expressions of opinion herein were arrived at after due and careful consideration and they were based upon the best information then known to us, and in our opinion are fair and reasonable in the circumstances prevailing at the time. Expressions of opinion contained herein are subject to change without notice. This document is not, and should not be construed as, an offer or the solicitation of an offer to buy or sell any securities. BSC and other companies in the BSC and/or their officers, directors and employees may have positions and may affect transactions in securities of companies mentioned herein and may also perform or seek to perform investment banking services for these companies. This document is for private circulation only and is not for publication in the press or elsewhere. BSC accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this or its content. The use of any information, statements forecasts and projections contained herein shall be at the sole discretion and risk of the user. No part of this material may be (i) copied, photocopied or duplicated in any form by any mean or (ii) redistributed without the prior written consent of BIDV Securities Company (BSC).

© 2019 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

